

Vua Minh Mạng XỬ NẠN THAM Ô

Tôn Thất Thọ

VUA MINH MẠNG (1820-1840) LÀ NGƯỜI CÓ TƯ CHẤT THÔNG MINH VÀ HIẾU HỌC. TRONG VIỆC TRI NƯỚC ÔNG RẤT NĂNG ĐỘNG VÀ QUYẾT ĐOÁN. TỪ KHI LÊN NGÔI, ÔNG RA COI CHẬU RẤT SỚM, XEM XÉT MỌI VIỆC TRONG TRIỀU VÀ TỰ TAY “CHÂU PHÊ” RỒI MỚI CHO ĐÌNH THẦN THI HÀNH.

Trong suốt thời gian trị vì, ông đã thực hiện nhiều cải cách lớn, tiêu biểu là việc cải cách hành chính và tổ chức bộ máy nhà nước nhằm thống nhất quản lý đất nước rộng lớn chưa từng có trong lịch sử. Ông đã khẳng định chủ quyền một cách rõ ràng trên các hải đảo, nhất là tại các khu Vạn Lý Hoàng Sa (tên gọi chung và phổ biến trước đây về 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa).

Cá nhân nhà vua là người ý thức được vị trí và trách nhiệm lịch sử của mình, luôn hoàn thiện tài năng và nhân cách để gánh vác mọi trọng trách trong việc trị nước. Ông đã tạo lập nên cai trị kết hợp giữa *Lễ trị* và *Pháp trị*. Đối với ông, tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và vì thế, dưới triều đại ông, việc thưởng phạt hết sức nghiêm minh. Người có công cho dù là ai

mà phạm tội tham ô của công đều bị xử lý nặng, có khi vượt khỏi cả pháp luật.

Bên cạnh đó, trong việc dùng người, ông chú trọng cả *Tài* và *Đức*, đặc biệt là học thức. Ông cho rằng người không học thì không rõ pháp luật, lỡ khi xử đoán sai thì pháp luật khó dung, như thế sẽ làm hại dân. Việc dùng người không ngoài mục đích muốn yên dân. Muốn yên dân thì quan phủ, huyện không được phiền nhiễu dân và tham nhũng. Vì vậy, ông đã nghiêm trị nặng nhiều viên chức tham nhũng.

Ngoài việc định mức lương bổng cho quan lại, định tiền, gạo cho mỗi cấp cùng thời hạn lãnh lương, ông còn cấp tiền dưỡng liêm để động viên các viên chức tận tụy và trong sạch. Đó cũng là cách giữ cho viên chức thanh liêm trong công việc.

Dưới đây là một số vụ án tham quan ô lại dưới thời trị vì của ông.

Nhà vua và vụ án “cha vợ” của mình!

Đây là vụ án để lại ít nhiều giai thoại khác nhau. Sử nhà Nguyễn đã ghi khá rõ và đầy đủ sự kiện vụ án tham ô của Huỳnh (hay Hoàng) Công Lý, Phó Tổng trấn Gia Định thành vào năm 1820.

Huỳnh Công Lý là cha của một bà phi của vua Minh Mạng (có tên là Huệ Phi), ông ta bị nhiều đơn thư tố cáo tham nhũng. Ban đầu, Tổng trấn Lê

Văn Duyệt (1763-1832) đã khởi tố vụ án, vụ việc được ông chuyển ra triều đình Huế. Nhận tin, vua Minh Mạng đã giao do triều đình nghị tội, sau đó chính nhà vua đã ban án tử hình Huỳnh Công Lý, bà Huệ Phi cũng bị giáng chức. Bản án được thi hành ngay tại Gia Định. Sách *Đại Nam thực lục* chép: “Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820)... tháng 9... Phó Tổng trấn Gia Định là Hoàng Công Lý tham lam trái phép, bị quán nhân tố cáo hơn mười việc. Lê Văn Duyệt đem việc tâu lên. Vua bảo Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Văn Xuyên rằng: “Không ngờ Công Lý quá đến thế, công trạng nó có gì bằng các khanh, duy nhờ Tiên đế cất nhắc, ngôi đến phó Tổng trấn, lộc nước ơn vua, thực không phải bạc, thế mà lại bóc lột tiểu dân, làm con một nước. Nay tuy dùng phép buộc tội, nhưng dân đã khốn khó rồi”.

Sai đình thần hội bàn. Đầu nói: “Công Lý bị người kiện, nếu triều về Kinh để xét tất phải đòi nhân chứng đến, không bằng để ở thành mà tra xét thì tiện hơn”.

Vua cho là phải, bèn hạ Công Lý xuống ngục, sai Hình Bộ Thiêm sự Nguyễn Đình Thịnh đến hội với tào thần ở thành mà tra xét...” (*Đại Nam thực lục*, tập 2, tr.93).

“...Vua nói: “Trẫm nuôi dân như con, thực không kể phí tổn. Nhưng bọn quan lại tham lam giáo quyết, ngấm ngấm chứa đầy túi riêng, mà kẻ quan quả cô độc lại không được thắm nhuần ơn

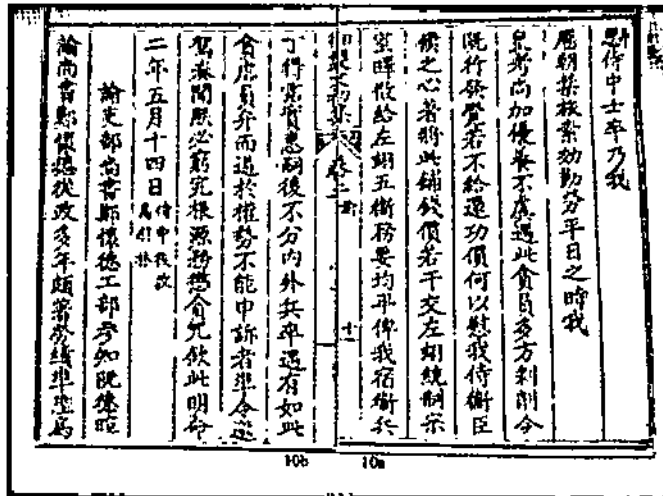
thực. Gán đây Hoàng Công Lý làm Phó Tổng trấn Gia Định không bao lâu mà bóc lột của dân đến trên 3 vạn. Nếu các viên mục thú đều như y cả, thì dân ta còn cậy vào đâu..." (Đại Nam thực lục, tập 2, sđd, tr.105).

Kể từ đó, vua Minh Mạng luôn lấy vụ án này để nhắc nhở thuộc quan.

Rõ ràng và cụ thể hơn, trong nội dung bản Dụ đình thần, ngoài việc y án lệnh tử hình đối với Huỳnh Công Lý, nhà vua còn lệnh phát mãi tài sản của y để lấy tiền sung công quỹ nuôi quân. Nguyên văn bản Dụ được trích trong tập Ngự chế văn (tr.30) và được dịch giả Trần Văn Quyền dịch như sau:

"Lại Dụ đình thần.

Dụ: Trước đây, khi phạm tội Hoàng Công Lý làm Thị trung Tả thống chế, đã không làm rõ được ý trẫm là yêu thương binh lính. Trái lại còn (lợi dụng) làm giàu cho mình, làm hại người khác, sai riêng cấm binh mở ba cửa hàng gạch ngói mưu lợi riêng. Tất cả gỗ đá gạch ngói đều cho chở về xây dựng, nhưng chưa bị phát giác. Đến khi y trở lại nhận chức Phó Tổng trấn Gia Định, lòng tham lại càng quá đáng. Nay bị binh lính, dân chúng, thợ thuyền Gia Định tố giác. Quan Tổng trấn ở đó đã tra xét rõ ràng và tấu trình. Trẫm nghĩ phạm nhân cũng là viên quan lớn ngoài biên nên giáng chỉ cho đình thần họp bàn định tội và phúc tấu. Nay đã trình lên và đều nói tội ác của Hoàng Công Lý chống chất quá nhiều, xin chém theo luật cho mọi người biết và để răn sau này. Lời nghị tội thật xác đáng. Vậy ngoài việc y lệnh thi hành ra, việc xin sung công của hàng: nghị binh lính Thị trung là đời cấm quân, vốn vất vả với nhiều triều ta, ngày còn sống, Hoàng khảo ta rất ưu đãi họ, không ngờ gặp tên tham lam này mưu mô dùng nhiều thủ đoạn bóc lột, nay đã phát giác, nếu không trả lại công lao cho họ thì sao an ủi được tấm lòng của thị vệ của ta. Vậy



hãy bán cửa hàng đó, được bao nhiêu giao cho Tả dực thống chế Tôn Thất Dịch phân phát cho 5 vệ Tả dực sao cho công bằng, để cho binh lính túc vệ của ta đều được ban ơn

Từ nay về sau bất kể quân lính trong ngoài, gặp phải các viên biên tham lam ngược đãi như vậy mà vương chỗ quyền thế không nói ra được thì cho phép tấu trình, trẫm sẽ tìm ra căn nguyên để trị tội kẻ tham nhũng. Hãy kính theo Dụ này.

Ngày 14 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 27.

Qua đó, ta thấy giai thoại cho rằng nhà vua đã nghe lời bà Huệ Phi, có ý bao che trong vụ án Huỳnh Công Lý, và Lê Văn Duyệt đã tự mình xử án cha vợ vua (đã được viết thành truyện kể, hay kịch bản sân khấu...) là không đúng sự thật. Cho dù

muốn để cao vai trò quan trọng của Lê Văn Duyệt trong vụ án này thế nào đi nữa, cũng không thể nêu lên một trường hợp mà ông không tự làm. Là một Tổng trấn đại thần, hơn ai hết ông biết rằng, thực hiện mọi việc phải đều theo phép nước. Một người mưu lược, tài năng như ông, lẽ nào làm một công việc độc đoán, vượt quá quyền hạn của mình...?

Một số những vụ án khác

Năm 1822, tại Quảng Đức và Quảng Trị gao đất, triều đình cho phát 25.000 hộc để bán cho dân, người linh quản lý kho thóc ở kinh là Đặng Văn Khuê phụ trách phát thóc cho nhân dân, mỗi hộc thóc thiếu vài cấp, vụ việc bị phát giác, vua giao cho Bộ Hình tra xét; án xong tấu lên, vua Minh Mạng liền sai xử lý với hình phạt cao nhất.

Vào tháng 5-1823, viên chức làm việc tại Phủ Nội vụ tên là Lý Hữu Diệm lấy trộm hơn một lạng vàng, bị phát giác, bộ Hình đưa ra xét xử vụ án. Theo điều 229 của bộ luật triều Nguyễn, có đoạn viết: Kho của vua gọi là Nội phủ, nó ở trong cấm địa của Hoàng thành. Hễ lấy trộm món gì ở đó dù nhiều hay ít đều bị tội chém đầu. Thay bằng tuyên án chém đầu Bộ Hình giảm xuống thành tội đi đày. Vụ án tâu lên, vua Minh Mạng không chấp nhận giảm án và dứt khoát hạ lệnh cho Bộ Hình đưa can phạm ra chợ Đông Ba chém đầu cho mọi người trông thấy. Sách *Đại Nam thực lục* chép: “Thư lại Nội vụ phủ là Lý Hữu Diệm lấy trộm hơn một lạng vàng. Bộ Hình nghĩ xử tội chém chuẩn làm tội đồ. Án tâu lên. Vua dụ rằng “Khoảng năm Gia Long, bọn Nguyễn Đăng Được thông đồng với thợ bạc là Nguyễn Khoa Nguyên đúc trộm ấn giả, để trộm đổi ấn ở kho, đều xử chém ngay. Nay Hữu Diệm ở đây cân vàng mà còn dám công nhiên lấy trộm, huống chi của kho thì sao? Thế là trong mắt hần đã không có pháp luật. Chi bằng theo đúng tội danh mà định tội để răn người sau. Lý Hữu Diệm phải giải ngay đến chợ Đông, chém đầu cho mọi người biết. Hồ Hữu Thắm phải truyền cho bọn viên lại Nội vụ phủ cùng đến xem, hoặc giả mắt thấy lòng sợ mà tự khuyên răn nhau để khỏi mắc tội, há chẳng là một phương thuốc hay cho mọi người sao?” (*Đại Nam thực lục*, tập 2, tr.274).

Năm Minh Mạng thứ 7 (1826) Trần Công Trung làm việc ở kho phủ Nội vụ đòi ăn tiền làm khó dễ, chuyện bị phát giác. Vua giao cho Bộ Hình tra xét. Án xong tâu lên, vua tuyên dụ: “Vụ án Đặng Văn Khuê năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đã theo luật nghiêm trị, thế mà bọn Trung còn dám công nhiên làm bậy, không kiêng sợ gì, tuy tang vật không quá 10 lạng, nhưng luật quý ở chỗ làm cho lòng người sợ hãi, nếu nhu

nhờ để sống một mạng thì e sau này những kẻ khinh nhờn pháp luật sẽ nhiều ra, không thể giết hết được. Bèn sai chém Trung ở chợ Đông ” (*Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr.543).

Năm 1834, Tuần phủ Trịnh Đường tham ô tới 1.000 quan tiền bị phát giác. Trước kia khi quân Xiêm (Thái Lan) tiến sát tỉnh Hà Tiên, Tuần phủ Hà Tiên Trịnh Đường lấy trộm 1.000 quan tiền công của kho đem xuống thuyền chạy trốn, có nguyên án sát Đặng Văn Nguyên trông thấy. Sau khi tỉnh Hà Tiên thu phục, Trịnh Đường lại tâu tiền ở kho bị giặc lấy mất. Đến khi Tham tán Hồ Văn Khuê phát giác, chỉ đích danh tham tặc và tâu lên, vua Minh Mạng biết chuyện, rất tức giận bèn tuyên dụ:

“Trịnh Đường trước đây có lỗi đã được gạt bỏ vết xấu mà lại dung. Gần đây vì có nhiều việc, đã được cất nhắc vượt bậc, ủy cho chức Tuần phủ. Khi đi nhậm chức, ta khuyên bảo tận mặt và hậu cấp cho bạc lạng làm tiền đường liêm. Đáng lẽ phải gắng sức để báo ơn mới phải, thế mà khi đến tỉnh, không tỏ được một sở trường gì, để Hà Tiên thất thủ, tội đã khó tha thứ, lại còn dám nhân lúc ấy, lấy cấp tiền công đến 1.000 quan, vội bỏ thành trì đất đai mà chạy! Bản tâm của y chính là nhằm lợi dụng lúc có giặc cướp để làm việc gian tham đó, thực đáng ghét. Nay lập tức cách chức, cho xích lại, giao viên tiếp biện là Trần Chấn xét rõ, tâu lên. Còn Đặng Văn Nguyên thì phải tệt lưu để chờ đổi chất”.

Liên hạ lệnh giải Đường về Kinh, lấy các chứng cứ, giao cho bộ Hình nghiêm xét. Vừa lúc đó thì tờ sớ nhận tội của Đường cũng đến, nói: “Khi tỉnh lỵ thất thủ, mang số tiền ấy đi theo thuyền, tiêu hết hơn 400 quan, còn bao nhiêu, biên binh vớt xuống sông cả. Tập tấu trước nói giặc lấy đi mất, là nói sai sót, xin cam chịu tội”.

Vua bảo bộ Hình rằng: “Tên

Đường xâm phạm tiền công, lại bức bách biên binh khai man là vớt xuống sông. Đã bị người tham hặc, còn dám vin có đó mà cãi, sao nó gian dối đến thế!”

Khi thành án, Đường bị xử tội thất cổ” (*Đại Nam thực lục*, tập 4, tr.103).

Từ xưa đến nay, thường và phạt phân minh là *phép lớn* của mọi chế độ. Nó liên quan đến cuộc sống của người dân, liên quan đến kỷ cương phép nước. Thời nào và ở đâu cũng vậy, nạn tham ô được xem là một vấn đề quan trọng trong bộ máy nhà nước. Ngày xưa, quan lại được xem là “đàn chi phụ mẫu”, thế nhưng nạn tham quan ô lại vẫn hoành hành nhiều nơi, vấn đề là có ít hay có nhiều, và cách diệt trừ tệ nạn đó như thế nào.

Những sử liệu trên cho thấy, nạn tham nhũng của công được vua Minh Mạng trừng phạt rất nghiêm khắc, cho dù giá trị kinh tế của tài sản là không lớn. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là lương tâm, là kỷ cương phép nước. Xét trên bình diện của pháp luật, sự quan tâm của nhà vua với vấn nạn này tỏ ra toàn diện và sâu sắc. Ông đã dựa vào hệ thống pháp luật để đưa ra những biện pháp trừng phạt, đặc biệt đối với những người phạm tội thuộc hàng quan lại thì lại càng bị trừng trị nghiêm khắc, có khi nghiêm khắc hơn cả mức phạt đã được pháp luật đặt ra, nhằm gìn giữ kỷ cương, làm gương cho dân chúng.

Qua đó, ta thấy Minh Mạng là vị vua thực hiện được điều mà không phải người lãnh đạo nào cũng làm được trong thuật trị nước của mình. Đó chính là “Quân pháp bất vị thân”...■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* tập 2, tập 3, tập 4, Nxb. Giáo Dục, 2007.

2. *Ngự chế văn*, vua Minh Mạng, Trần Văn Quyền dịch, TTKHXH&NV, Viện NCHN xb, 2000.



Chùa và đền Khâu Lương

Nhà Trần vốn có nguồn gốc dân chài lưới ở xứ Đông (Thái Bình, Nam Định ngày nay), phát triển một thế lực mạnh, nhận được quyền lãnh đạo đất nước thế kỷ XIII (1225), chiếm thế thượng phong ở Thăng Long, phát triển học thuật, thông Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo), trong đó đạo Phật chiếm ưu thế. Với tầm nhìn chiến lược để phát triển Đại Việt cũng như phòng ngừa giặc từ xa, nhà Trần đã cho xây dựng công trình Phật giáo ở phía đông bắc, ngăn chặn giặc phương Bắc (Yên Tử, Quảng Ninh), xây dựng Hành cung Thiên Trường (tại quê hương nhà Trần), xây dựng Hành cung Vũ Lâm cùng hệ thống chùa quanh hành cung là bức phen dậu, là nơi lánh nạn cho triều đình nhà Trần ở phía nam kinh thành Thăng Long, điều này thể hiện rõ vai trò của vùng núi đá vôi Hoa Lư trong ba lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông, trong đó hành cung Vũ Lâm là trung tâm. Việc

xây dựng Hành cung, dựng chùa trên cơ sở những ngôi chùa từ thời Đinh, Tiền Lê, Lý như *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép: Năm 1231 “Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải tô tượng Phật để thờ”⁽¹⁵⁾ (vì Trần Lý lúc còn nhỏ nghỉ ở đình trạm gặp nhà sư bảo sau này sẽ đại quý) để phát triển Phật pháp với dòng thiền riêng (Thiền phái Trúc Lâm) làm nên một bản sắc văn hóa dân tộc, mà hành cung Vũ Lâm với địa thế thuận lợi về quân sự cũng như cảnh quan Phật giáo (sông núi) phù hợp với dòng thiền Trúc Lâm, đã làm nên một sự mở đầu “Khai phúc” tiếp nối cho vùng đất Hoa Lư nghìn năm văn hiến.

Trên đất Ninh Bình ngày nay có tới gần 400 ngôi chùa, điều độc đáo ở đây là có khá nhiều chùa được xây dựng trong các hang núi đá vôi, dựa vào núi đá hoặc tận dụng hân núi đá làm chùa mà tiêu biểu là các động chùa: chùa Bái Đính cổ, chùa Hoa Sơn, chùa

Thiên Tôn, Bích Động (Nam thiên đệ nhị động), Dịch Lộng (Nam thiên đệ tam động), chùa Linh Cốc... Có nhiều chùa nổi tiếng, linh thiêng như chùa Bái Đính, chùa Non Nước, chùa Nhất Trụ, chùa Đồng Đắc... Có thể thấy rằng Phật giáo đã đi vào đời sống, hiện hữu như một thực thể hữu cơ, hòa nhập vào tín ngưỡng dân tộc, đồng hành cùng dân tộc trên bước đường hội nhập và phát triển.■

CHÚ THÍCH:

1. *Việt sử thông giám cương mục chính biên*, tập 5, Quốc sử quán, thế kỷ XIX - Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr.93.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 2009, tr.325.

3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 2009, tr.308, 309.

4. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989- tr.205.

5. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 2009, tr.269.